

Bản án số: 73/2022/DS-ST
Ngày: 10/8/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÀ DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.
2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy Á (Dũng), sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Thị 1, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Anh Đỗ Hữu N; địa chỉ: ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Duy Á trình bày, do chỗ quen biết với bà Đ ông có cho bà Đ vay mượn số tiền 160.000.000 đồng trong các lần cụ thể như sau: Lần đầu vay 65.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng không hạn thời

gian trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 02.5.2021 bà Đ tiếp tục vay của ông số tiền 95.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả. Sau đó ông có yêu cầu bà Đ có làm biên nhận nợ với ông số tiền 160.000.000 đồng. Biên nhận nợ do bà Đ viết và ký tên, khi bà Đ bán nhà ông có lại đòi nhưng bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông. Nay ông yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền vay 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận bà có viết biên nhận nợ và có ký tên với số tiền 160.000.000 đồng, nhưng bà không lấy tiền, chỉ có Thúy N, Hữu N là người trực tiếp lấy tiền. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn cho bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền trên, tuy bà không nhưng bà là người viết biên nhận nợ và ký tên nên bà phải có nghĩa vụ trả số tiền 160.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 02/5/2021, giấy chứng minh nhà dA, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Bùi Thị Đ có ý kiến xin vắng mặt nên không có ý kiến

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hữu N, chị Đỗ Thị Thúy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuA theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuA theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dA sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết, bà Bùi Thị Đ có vay ông Nguyễn Duy A 02 lần với số tiền 160.000.000đồng, cụ thể lần thứ nhất vay 65.000.000đồng, lần thứ hai vay 95.000.000đồng, có làm biên nhận nhận nợ ngày 02/5/2021, bà Đ nhận tiền và trực tiếp ký tên, mục đích để đáo hạn ngA hàng, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả. Sau đó, ông A có đến nhà đòi tiền Nều lần nhưng bà Đ không trả. Nay, ông A yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền 160.000.000đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 05/02/2021 đến khi xét xử. Tuy Nên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông A đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dA sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Phía bà Đ thừa nhận việc ký tên vào biên nhận nợ với số tiền 160.000.000 đồng. Tuy Nên, việc vay, nhận tiền là của con gái Nguyễn Thị Thúy N và con rể thực hiện. Nay, bà vẫn đồng ý với yêu cầu của ông Â trả 160.000.000 đồng, nhưng gia đình đang khó khăn xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Phía chị N, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, căn cứ ông Â khởi kiện là biên nhận nợ ngày 02/5â/2021 thể hiện bà Đ có vay 160.000.000đồng, phía bà Đ thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ do ông Â cung cấp nên có cơ sở xác định hai bên có giao kết hợp đồng vay tài sản. Tuy Nên, quá trình tố tụng, bà Đ cho rằng vợ chồng anh N, chị N là người trực tiếp vay, nhận tiền nhưng ông Â không thừa nhận và cho rằng cả 02 lần vay đều giao tiền cho bà Đ và có sự chứng kiến của anh N, chị N nên Tòa án tiến hành đưa anh N, chị N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại các biên bản hòa giải, bà Đ đồng ý trả ông Â 160.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên việc ông Â khởi kiện yêu cầu bà Đ trả lại số tiền 160.000.000đồng là có cơ sở phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dã sự.

Đối với những người liên quan là anh N, chị N do ông Â không có yêu cầu nên không đề cập đến. Riêng, việc xin trả dần của bà Đ không được ông Â đồng ý nên không xem xét.

Từ những phÂ tích nêu trên, đề N Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dã sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dÃ sự, đề N:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Duy Â với bà Bùi Thị Đ.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Â .
- Buộc bà Bùi Thị Đ trả ông Nguyễn Duy Â 160.000.000đồng.
- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Duy Â khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay 160.000.000 đồng. Bà Đ có nơi cư trú ấp Long Thuận 1, xã Long Điền A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của ông Â thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhÂ dÃ huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dÃ sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bà Bùi Thị Đ có ý kiến xin vắng mặt, anh Đỗ Hữu N, chị Nguyễn Thị Thúy N được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của ông A tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa ông A, bà Đ có thỏa thuận với nhau việc vay tiền thành 02 lần tổng số tiền 160.000.000 đồng để đáo nợ NgA hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả. Đến ngày 02/05/2021 thì giữa bà Đ với ông A có làm biên nhận nợ và có thể hiện chữ ký, chữ viết của bà Đ, do thời gian lâu bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông A có nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông A có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt hại quyền lợi của ông A, bà còn cho rằng bà không nhận tiền nhưng Thúy N, Hữu N là con bà nhận tiền. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa anh N, chị N vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày đề Hội đồng xét xử xem xét, ông A xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ ngày 02/5/2021 giữa ông A với bà Đ.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của ông A phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà ông đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông A yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà Đ nhận thấy, giữa ông A với bà cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, nhưng bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông A, trong quá trình làm việc thì bà cho rằng bà chỉ ký biên nhận nợ nhưng bà không nhận tiền, con bà Thúy N, Hữu N là người trực tiếp nhận tiền. Ông A cho rằng bà là người trực tiếp nhận tiền ngoài ra ông không biết ai hết. Bà Đ trình bày là bà không nhận tiền nhưng bà thừa nhận nợ và xin hứa trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 160.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà không có căn cứ để chấp nhận buộc anh N, chị N trả số tiền 160.000.000 đồng. Đối với lời trình bày của ông A và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông. Nghĩ nên buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền vay

160.000.000 đồng (một trăm sáu chục triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 466, 470 Bộ luật Dã sự năm 2015.

[5] *Về lãi suất*: Tại phiên tòa ông Ấ rút yêu cầu không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp theo Điều 217, 244 Bộ luật Tổ tụng Dã sự này không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dã sự sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tổ tụng dã sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng) không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dã sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tổ tụng dã sự; điểm a khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng).

Buộc bà Bùi Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng) số tiền vốn vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu chục triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dã sự năm 2015.

2. Về án phí dã sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Đ phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dã sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng) không phải chịu án phí dã sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng) số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) mà ông Nguyễn Duy Ấ (Dũng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010168 do Chi cục Thi hành án dã sự huyện Chợ M cấp ngày 11 tháng 02 năm 2022

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dÂ sự thì người được thi hành án dÂ sự, người phải thi hành án dÂ sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dÂ sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dÂ sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

